PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81/2010/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia cho mục đích dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam trong việc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; người Việt

Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu viễn thám là các dữ liệu ảnh được thu nhận từ vệ tinh viễn thám.

2. Dữ liệu ảnh thô là dữ liệu ảnh được xử lý sơ bộ, nhằm loại bỏ sai số trong của đầu thu ảnh và tín hiệu nhiễu do ảnh hưởng của khí quyển.

3. Dữ liệu sản phẩm ảnh là dữ liệu ảnh đã được xử lý phổ và nắn chỉnh hình học.

4. Dữ liệu viễn thám dạng bản gốc là dữ liệu ảnh thuộc phiên bản đầu tiên thu được tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam.

5. Dữ liệu viễn thám dạng bản chính là dữ liệu ảnh thuộc phiên bản đầu tiên được mua hoặc nhận từ nước ngoài.

6. Dữ liệu viễn thám dạng bản sao là dữ liệu được sao nguyên từ dữ liệu viễn thám dạng bản gốc hoặc từ dữ liệu viễn thám dạng bản chính.

7. Cơ sở dữ liệu viễn thám là tập hợp các dữ liệu viễn thám đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và lưu trữ một cách hệ thống có tổ chức dưới dạng tệp tin dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các vật mang tin gồm các loại ổ cứng, băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.

8. Siêu dữ liệu viễn thám (tiếng Anh là Remote Sensing Metadata) là các thông tin mô tả về nội dung, nguồn gốc, chất lượng, phương pháp xử lý và các thông tin khác có liên quan đến dữ liệu viễn thám.

9. Thu nhận dữ liệu viễn thám là việc thu nhận dữ liệu tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam hoặc dưới hình thức mua, trao đổi, hợp tác, nhận viện trợ từ nước ngoài.

10. Xử lý dữ liệu viễn thám là quá trình xử lý để tạo ra dữ liệu ảnh thô; dữ liệu sản phẩm ảnh có giá trị gia tăng nhằm đáp ứng các yêu cầu của người sử dụng.

11. Lưu trữ dữ liệu viễn thám là quá trình thu thập, cập nhật, bảo quản dữ liệu phục vụ cho khai thác và sử dụng.

12. Khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám là quá trình lựa chọn, xử lý, giải đoán các thông tin cần thiết từ dữ liệu viễn thám cho những mục đích sử dụng cụ thể.

Điều 4. Nguyên tắc thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Việc thu nhận và lưu trữ dữ liệu viễn thám quốc gia do tổ chức có chức năng và năng lực chuyên môn thực hiện.

2. Việc thu nhận và xử lý dữ liệu viễn thám quốc gia phải thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu về kỹ thuật, bảo đảm tính khoa học, chính xác, trung thực, đáp ứng kịp thời, thuận tiện cho khai thác và sử dụng.

3. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia phải đúng mục đích, phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đào tạo và phòng tránh thiên tai.

Chương II

THU NHẬN, LƯU TRỮ, XỬ LÝ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

Điều 5. Thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Hình thức thu nhận dữ liệu viễn thám quốc gia bao gồm:

a) Thu nhận tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

Việc thu nhận này được tiến hành theo kế hoạch hàng năm, định kỳ năm (05) năm, dựa trên nhu cầu của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo yêu cầu nhiệm vụ đột xuất được nhà nước giao;

b) Mua của nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong trường hợp trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam và cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia không đáp ứng được yêu cầu về dữ liệu viễn thám;

c) Thông qua trao đổi, hợp tác và nhận viện trợ của các quốc gia, các vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Dữ liệu viễn thám dạng bản gốc trước khi đưa vào khai thác và sử dụng phải xử lý để tạo ra dữ liệu ảnh thô hoặc dữ liệu sản phẩm ảnh tại trạm thu ảnh vệ tinh ở Việt Nam theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Lưu trữ dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Dữ liệu viễn thám quốc gia được lưu trữ dưới dạng bản gốc, bản chính, bản sao, dữ liệu ảnh thô, dữ liệu sản phẩm ảnh và siêu dữ liệu.

2. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật để bảo đảm cho dữ liệu viễn thám luôn ở trạng thái chất lượng tốt và an toàn, sắp xếp có hệ thống và khoa học, dễ cập nhật, thuận tiện cho việc khai thác và sử dụng, có khả năng bảo mật cao.

3. Dữ liệu viễn thám quốc gia được lưu trữ trong hệ thống lưu trữ trực tuyến trên hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ mạng hoặc lưu trữ trên các vật mang tin gồm băng từ, đĩa CD, DVD và các hình thức khác.

4. Dữ liệu viễn thám quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo quản và lưu trữ lâu dài theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Siêu dữ liệu viễn thám quốc gia được cập nhật và công bố thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của cơ quan quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia để phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đào tạo và phòng tránh thiên tai.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia thu tại trạm thu ảnh vệ tinh do Bộ quản lý và dữ liệu viễn thám quốc gia lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia do mình quản lý.

4. Cơ quan công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia chịu trách nhiệm về dữ liệu mà mình công bố và phải tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Chương III
KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

Điều 8. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu trên mạng Internet, trang điện tử phải tuân theo quy định về quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu gửi phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu cho tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Khi nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu hợp lệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia cung cấp dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng. Thời hạn cung cấp theo Quy chế cung cấp dữ liệu của tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia;

c) Tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong thời hạn chậm nhất là bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua hình thức hợp đồng dịch vụ hoặc văn bản thỏa thuận giữa bên cung cấp với bên khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

2. Không được chuyển giao cho bên thứ ba dữ liệu do tổ chức quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia cung cấp, trừ trường hợp đã có điều khoản trong hợp đồng hoặc trong văn bản thỏa thuận với tổ chức cung cấp.

3. Có nghĩa vụ tài chính về khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này.

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu viễn thám quốc gia về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

5. Khiếu nại theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác và sử dụng dữ liệu.

Chương IV

TÀI CHÍNH CHO VIỆC THU NHẬN, LƯU TRỮ, XỬ LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

Điều 10. Kinh phí thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Kinh phí thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh thô, xây dựng, cập nhật và lưu trữ cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Không dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước để mua dữ liệu viễn thám do nước ngoài thu nhận, nếu các loại dữ liệu ảnh này thu được tại trạm thu ảnh vệ tinh của Việt Nam hoặc đã có trong cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia đáp ứng được yêu cầu khai thác và sử dụng.

Điều 11. Kinh phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia

1. Khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức phí và hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

Chương V
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia; đơn giá các loại dữ liệu sản phẩm ảnh.

2. Tổng hợp các nhu cầu và lập kế hoạch thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám theo kế hoạch hàng năm, định kỳ năm (05) năm và quản lý, theo dõi việc thu nhận, xử lý dữ liệu viễn thám theo nhiệm vụ đột xuất nhà nước giao.

3. Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc lưu trữ, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

4. Thu nhận, lưu trữ dữ liệu viễn thám thu tại trạm thu ảnh vệ tinh do Bộ quản lý và các dữ liệu viễn thám, sản phẩm viễn thám khác của Bộ.

5. Xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia và cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

7. Khai thác và sử dụng có hiệu quả dữ liệu viễn thám quốc gia trong các lĩnh vực thuộc Bộ quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám phục vụ các nhiệm vụ hàng năm, định kỳ năm (05) năm của Bộ, ngành, địa phương và đề xuất nhu cầu về dữ liệu viễn thám, kể cả nhu cầu theo nhiệm vụ đột xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý, lưu trữ, bổ sung, cập nhật dữ liệu viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám ở Bộ, ngành, địa phương để cung cấp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám ở Bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định này để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng.

4. Cung cấp bản sao và siêu dữ liệu viễn thám mua, nhận từ nước ngoài theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 của Quyết định này cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là ba (03) tháng, kể từ ngày nhận được dữ liệu từ nhà cung cấp.

5. Khai thác và sử dụng có hiệu quả dữ liệu viễn thám quốc gia trong các lĩnh vực thuộc Bộ, ngành và địa phương quản lý.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy định về dữ liệu viễn thám quốc gia có trước ngày Quyết định này có hiệu lực

Đối với dữ liệu viễn thám quốc gia có trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm xây dựng, cập nhật siêu dữ liệu viễn thám và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia trong thời hạn chậm nhất là sáu (06) tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2011.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng